TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THỦ ĐỨC** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 788/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 26/7/2017
V/v "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thủy
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Phúc Duy Khang
2. Ông Phạm Nam Thắng

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lưu Thị Ngọc Hương- Thư ký Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Loan- Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 272/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2017, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 261/2017/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Huỳnh Thanh B– sinh năm 1983

Thường trú: Số A đường B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2. Bị đơn: bà Phan Thị Thanh T– sinh năm 1984

Thường trú: Số A đường B, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 20/3/2017 và lời trình bày của ông Huỳnh Thanh B tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa: ông và bà Phan Thị Thanh T tự nguyện chung sống vào năm 2010, có tổ chức hỏi cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung của ông bà ban đầu hạnh phúc bình thường, tuy nhiên từ năm 2013 thì giữa đôi bên phát sinh mâu thuẫn, hai bên không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên nhiều lần to tiếng với nhau và ông bà đã không còn chung sống với nhau từ đó cho đến nay. Nay ông xác định không còn tình cảm gì với bà T, hơn nữa thời gian sống ly thân đã lâu nên ông đề nghị Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà T. Cho đến nay ông không có đăng ký kết hôn với ai.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Đại T sinh ngày 29/4/2013. Sau khi ly hôn, ông đồng ý giao con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và ông cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện

vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Bà Phan Thị Thanh T trình bày tại bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tại phiên tòa: bà xác nhận bà và ông B đã chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức hỏi cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Cuộc sống chung chỉ hạnh phúc được 02 năm đầu, từ năm 2013 thì giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên ông bà cãi vã nhau và ông bà đã ly thân cho đến nay. Bà xác định tình cảm không còn nên bà đồng ý ly hôn với ông B. Cho đến nay bà không có đăng ký kết hôn với ai.

Về con chung: có 01 con chung như ông B đã trình bày. Sau khi ly hôn, bà đồng ý trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và đồng ý ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 8/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành pháp luật và thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình. Về nội dung: Về hôn nhân: Ông B và bà T chung sống không đăng ký kết hôn nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Về con chung, tài sản chung và nợ chung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình nên căn cứ Khoản 7 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Ông Huỳnh Thanh B và bà Phan Thị Thanh T cùng có hộ khẩu thường trú tại quận Thủ Đức nên căn cứ Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a, Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về hôn nhân: Ông Huỳnh Thanh B và bà Phan Thị Thanh T chung sống với nhau vào năm 2010 nhưng không đăng ký kết hôn. Cho đến nay cả ông B và bà T đều chưa đăng ký kết hôn với ai khác. Cuộc sống chung của ông bà từ năm 2013 cho đến nay không hạnh phúc và ông bà đã sống ly thân, nay cả hai cùng đồng ý ly hôn. Xét thấy, ông B và bà T chung sống vợ chồng nhiều năm nhưng không thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên quan hệ hôn nhân của ông bà không được pháp luật công nhận. Do đó, căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông B và bà T.

[3] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 195/2013, quyển số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 06/6/2013 có

căn cứ xác định ông Huỳnh Thanh B và bà Phan Thị Thanh T có 01 con chung tên Huỳnh Đại T sinh ngày 29/4/2013. Các đương sự đã thỏa thuận sau khi ly hôn, bà T sẽ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 08/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Xét thỏa thuận của các đương sự về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử ghi nhận. Giao con chung tên Huỳnh Đại T sinh ngày 29/4/2013 cho bà Phan Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, ông Huỳnh Thanh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (Hai triệu) đồng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 08/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: không có.

Về án phí: Ông Huỳnh Thanh B phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 7 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 1 Điều 14, Điều 15, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận ông Huỳnh Thanh B và bà Phan Thị Thanh T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Huỳnh Đại T sinh ngày 29/4/2013 cho bà Phan Thị Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Thanh B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng, việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện vào ngày 05 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 08/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ vẫn có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại Khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Mức cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

Kể từ ngày bà Phan Thị Thanh T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Huỳnh Thanh B không thực hiện đúng nghĩa vụ cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi theo lãi suất quy định tại Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Ông Huỳnh Thanh B phải nộp 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con. Tổng cộng số tiền án phí ông Huỳnh Thanh B phải nộp là 600.000 (Sáu trăm ngàn) đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng ông Huỳnh Thanh B đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AE/2016/0015077 ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức. Ông Huỳnh Thanh B còn phải nộp 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

6. Về quyền kháng cáo: Ông Huỳnh Thanh B và bà Phan Thị Thanh T có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Toà án nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân Q.Thủ Đức;
- Chi cục THADS Q.Thủ Đức;
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Thị Lệ Thủy